Market Highlight

VietinBankSc

24 September 2014

HOSE 24/09/2014

VNINDEX	610.39	0.00	0.00%
KLGD		-	CP
GTGD		-	Tỷ
GTR NDTNN	-	65.20	Tỷ
CP Tăng giá		-	CP
CP Giảm giá		-	CP
CP Đứng giá		304	CP

HNX 24/9/2014

HNXINDEX	87.76	0.01	0.01%
KLGD		2,825,442	CP
GTGD		50.07	Tỷ
GTR NDTNN		5.52	Tỷ
CP Tăng giá		-	CP
CP Giảm giá		-	CP
CP Đứng giá		379	CP

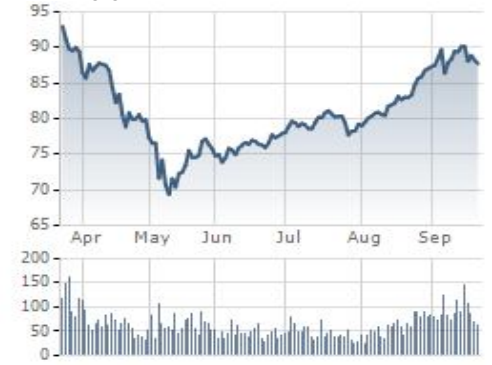

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	658.31	0.00	0.00%
HNX30	179.63	0.05	0.03%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Tâm điểm

- **Số mã tăng giá gia tăng nhưng chỉ số 2 sàn tiếp tục giảm điểm**
- **Thanh khoản thị trường tiếp tục sụt giảm**
  Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3.800 tỷ đồng
- **BMI hạ dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam**
  BMI đã hạ dự báo tăng trưởng GDP của VN năm 2014 từ 5.9% xuống còn 5.7%
  Infonet
- **Học phí tăng, CPI cả nước tháng 9 tăng 0.4% so với tháng 8**
  Đây là mức lạm phát cao nhất trong 7 tháng qua
  DVO/GSO
- **5 năm qua, quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ Việt Nam tăng hơn 4 lần**
  Quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ Việt Nam hiện ước bằng 18% GDP
  Vnexpress
- **VHG: Ước đạt 76 tỷ đồng trong 9 tháng**
  Kết quả này vượt nhẹ so với kế hoạch cả năm (75 tỷ đồng)
  Đầu tư Chứng khoán
- **SDA: 9 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế ước đạt 6 tỷ đồng**
  Được biết, Năm 2014, Công ty đặt kế hoạch doanh thu 99 tỷ đồng, LNTT 13 tỷ đồng.
  Người Đồng Hành

Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,091,070	15.2	3.3	19.7%	10.6%
HNX	143,368	14.6	1.8	9.2%	4.5%
Toàn bộ thị trường	**1,234,438**	**17.0**	**3.2**	**18.9%**	**10.0%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,361	6.7	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,150	9.2	1.5	16.5%	11.2%
Thép và sản phẩm thép	38,491	16.8	2.2	20.7%	9.6%
Khai khoáng	12,208	64.6	5.6	0.3%	0.0%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,052	16.2	1.5	11.5%	7.5%
Xây dựng	31,873	47.0	1.3	-1.4%	2.1%
Máy công nghiệp	8,983	9.5	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,937	8.7	1.5	18.9%	13.6%
Lốp xe	8,569	10.6	3.1	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,674	11.8	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	199,359	24.4	4.8	20.6%	16.1%
Dược phẩm	15,188	10.5	2.9	24.9%	16.4%
Phần mềm	18,349	11.4	2.3	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,883	- 6.1	1.4	-13.9%	0.7%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	213,322	17.4	5.7	33.1%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,899	22.8	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	28,051	14.2	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng	241,083	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	170,882	17.5	3.0	21.2%	5.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,288	11.8	2.5	22.6%	9.5%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin kinh tế

BMI hạ dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, GDP Việt Nam đạt mức tăng trưởng 5.2% trong 6 tháng đầu năm 2014. Tuy nhiên, do các rủi ro về tăng trưởng có thể xảy ra như căng thẳng với Trung Quốc, xu hướng gia tăng giá hàng hóa nguyên liệu, sự suy giảm nhu cầu nhập khẩu do tăng trưởng yếu của Mỹ, Trung Quốc và EU, nên BMI đã hạ dự báo tăng trưởng GDP của VN năm 2014 từ 5.9% xuống còn 5.7%. Ngoài ra, BMI vẫn giữ mức dự báo tăng trưởng 2015 là 6.4%, thâm hụt ngân sách khoảng 3.8% và lãi suất không thay đổi (6.5%/ năm).

Học phí tăng, CPI cả nước tháng 9 tăng 0.4% so với tháng 8

Theo công bố của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 9 tăng 0.4% so với tháng 8, tăng 3.62% so với cùng kỳ năm 2013. Đáng chú ý là so với kỳ tháng 12 năm 2013 thì CPI tháng 9 tăng 2.25% - mức tăng cao sau 2 tháng tăng nhẹ (tháng 7 tăng 1.62% - mức thấp nhất trong 13 năm qua và tháng 8 đã phục hồi hơn với mức tăng 1.84%). Đóng góp lớn vào mức tăng CPI tháng 9 là nhóm giáo dục tăng tới 6.38% so với tháng trước, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 7.17%. Cả 9 tháng năm 2014, nhóm giáo dục đã đóng góp 10.81% (trong đó dịch vụ giáo dục tăng 11.84%) vào tốc độ tăng trưởng CPI cả nước. Nguyên nhân của việc tăng đột biến này là do hầu hết các loại hình giáo dục trên cả nước đồng loạt tăng học phí năm học 2014-2015 theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của thủ tướng Chính phủ.

5 năm qua, quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ Việt Nam tăng hơn 4 lần

Ông Vũ Bằng – Chủ tịch UBCKNN cho biết, trong 5 năm qua, thị trường giao dịch trái phiếu Chính phủ tăng trưởng mạnh về quy mô khi tổng giá trị danh mục đang lưu hành đạt khoảng 680,000 tỷ đồng, tăng hơn 4 lần so với năm 2009 và tương đương 18% GDP. Quy mô thị trường đạt tốc độ tăng bình quân 23% một năm, được đánh giá có mức tăng trưởng dẫn đầu các nền kinh tế mới nổi tại khu vực Đông Á cũng như khu vực ASEAN + 3 (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc). Thanh khoản thị trường cũng được cải thiện. Giá trị giao dịch bình quân phiên tăng gấp 7.5 lần trong vòng 5 năm, từ 365 tỷ đồng năm 2009 lên 2,734 tỷ đồng một phiên trong H1.2014

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin doanh nghiệp

VHG: Ước đạt 76 tỷ đồng trong 9 tháng

Ông Trần Xuân Hiếu, Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và sản xuất Việt Hàn (HOSE: VHG) cho biết, dự kiến trong 9 tháng đầu năm, Công ty đạt lợi nhuận 76 tỷ đồng, vượt nhẹ so với kế hoạch cả năm (75 tỷ đồng). Doanh thu và lợi nhuận chủ yếu đến từ mảng sản xuất chính là cao su. Được biết, sau đợt phát hành tăng vốn lên 750 tỷ đồng vừa qua, Sao Vàng Capital đã chính thức trở thành cổ đông lớn của CTCP Đầu tư và sản xuất Việt Hàn. Hai bên cũng đã thống nhất ký kết Thỏa thuận hợp tác chiến lược về các lĩnh vực đầu tư trọng điểm của Việt - Hàn trong thời gian sắp tới. Theo nội dung thỏa thuận, Việt - Hàn và Sao Vàng Capital sẽ hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau để triển khai kế hoạch kinh doanh về các lĩnh vực như: cao su; kinh doanh thương mại hóa chất và nông sản; xây dựng hạ tầng; tài chính…

SDA: 9 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế ước đạt 6 tỷ đồng

Ông Chu Minh Tuấn, Chủ tịch HĐQT CTCP Simco Sông Đà (HNX: SDA) cho biết, 9 tháng đầu năm, Công ty ước đạt 6 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Năm 2014, Simco đầu tư 65.83 tỷ đồng cho dự án khai thác và chế biến đá tại Myanmar. Theo ông Tuấn, trong quý 4, Công ty bắt đầu có sản phẩm xuất khẩu. Với dự án Tiểu khu Đô thị Vạn Phúc, Hà Đông, Công ty thi công xây dựng và quyết toán bàn giao 9 căn nhà còn lại và hoàn thành quyết toán dự án vào quý 3/2014. Simco cũng làm việc với các cơ quan ban ngành để điều chỉnh mục đích sử dụng ô đất hỗn hợp từ nhà ở thương mại thành nhà ở xã hội tại Dự án Tòa nhà Simco Tower (Cầu Bươu, Hà Nội). Năm 2014, Công ty đặt kế hoạch doanh thu 99 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 13 tỷ đồng.

BII: Năm 2014, đặt kế hoạch lãi 46.9 tỷ đồng

32.800.000 cổ phiếu CTCP Đầu tư và phát triển công nghiệp Bảo Thư (BIDICO) (HNX: BII) vừa chào sàn Hà Nội. BII hoạt động chính trong lĩnh vực cung cấp hạ tầng và nâng cao giá trị cho ngành công nghiệp chế biến tài nguyên khoáng sản, thủy sản và nông lâm nghiệp trên địa bàn các tỉnh khu vực Nam Trung Bộ như Bình Thuận, Ninh Thuận. Được biết, năm 2014, BII đặt kế hoạch doanh thu 139 tỷ đồng, tăng 239% so với năm 2013; lợi nhuận sau thuế 46.9 tỷ đồng, tăng 235% so với năm 2013.

Market Highlight

VietinBankSc

HOSE	24/09/2014	VNINDEX	610.39	0.00	0.00%	-	CP	-	bil VND

Số mã tăng giá gia tăng nhưng chỉ số 2 sàn tiếp tục giảm điểm

VN-Index giảm 6,80 điểm (-1.11%), đóng cửa tại mức 603,59 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến tương đối dài, chỉ số này đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên.

- MACD tiếp tục đi xuống và đã cắt xuống đường zero - base. Đây là tín hiệu khá tiêu cực.
- Stochastic Oscillator vẫn chưa cho tín hiệu mua trở lại và vẫn tiếp tục đi xuống.
- VN-Index vẫn bám đường Bollinger Bands phía dưới và đi xuống, đây là tín hiệu rất xấu.

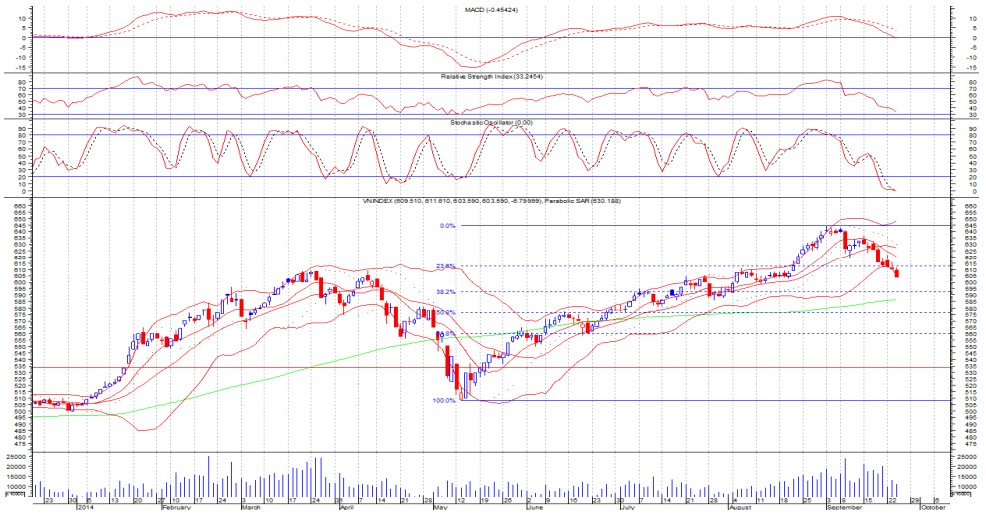

HOSE Top 5 theo KLGD

AAM	0 (0.0%)	-
ABT	0 (0.0%)	-
ACC	0 (0.0%)	-
ACL	0 (0.0%)	-
AGF	0 (0.0%)	-

HOSE Top 5 theo % tăng

AAM	0 (0.0%)	-
ABT	0 (0.0%)	-
ACC	0 (0.0%)	-
ACL	0 (0.0%)	-
AGF	0 (0.0%)	-

HOSE Top 5 theo % giảm

AAM	0 (0.0%)	-
ABT	0 (0.0%)	-
ACC	0 (0.0%)	-
ACL	0 (0.0%)	-
AGF	0 (0.0%)	-

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HAG	33,8	tỷ	1,383,270
KDC	29,8	tỷ	487,200
PVD	20,7	tỷ	208,820
HPG	18,0	tỷ	309,860
KBC	14,4	tỷ	997,080

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GAS	-56,0	tỷ	525,440
SSI	-31,8	tỷ	1,116,960
VIC	-25,5	tỷ	459,990
SJS	-19,0	tỷ	785,750
PET	-19,0	tỷ	840,700

GD NDTNN	KL Ròng		GT Ròng (tỷ)
HOSE	-2,344,770	-	65.20

Nhận định / Bình luận thị trường

- Sự giằng co tiếp tục diễn ra ở phiên hôm nay, dù số mã tăng điểm gia tăng đáng kể, nhưng VN-Index vẫn bị giảm điểm về mốc thấp nhất phiên lúc đóng cửa.
- KLGD sụt giảm và đạt 112 triệu đơn vị. Đây là mức khá thấp, thấp hơn bình quân 20p gần đây, nó cho thấy NĐT đang thận trọng trở lại.
- Khối ngoại bán ròng với giá trị 65,2 tỷ. Trong đó tập trung nhiều ở GAS, SSI, ngoài ra khối này mua nhiều ở HAG, KDC.
- Áp lực bán vẫn tiếp tục diễn ra ở những phiên tới. Vùng hỗ trợ 610 điểm đã bị phá vỡ. Nhiều khả năng VN-Index sẽ test lại vùng hỗ trợ manh 685 - 690 điểm.
- NĐT nên dừng các quyết định mua và chờ thị trường cần bằng trở lại ở vùng đáy mới. NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua thêm nếu VN-Index về vùng 690 điểm.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	17.9	5.9	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	108.0	108,012.81	17.6	5.8	34.1%	27.1%
VIC	1,403.3	56.0	78,586.11	16.4	4.5	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	26.8	71,422.54	15.5	1.6	10.6%	1.0%
MSN	735.8	82.5	60,704.17	-1,492.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.8	38,794.60	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	100.0	30,303.69	12.9	2.7	22.7%	10.7%
BVH	680.5	41.0	27,899.33	22.8	2.4	10.2%	2.1%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	9.9	2.6	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.0	4,349.58	18.0	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	52.5	18,054.45	11.3	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.5	2,368.30	7.8	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.4	646.07	2.6	1.0	NA	TH.DOI

Market Highlight

HNX	24/09/2014	HNX-Index	87.76	0.01	0.01%	2,825,442 CP	50.07 bil. VND

Số mã tăng giá gia tăng nhưng chỉ số 2 sàn tiếp tục giảm điểm

Chỉ số HNX-Index giảm 0.04 điểm (-0.05%), đóng cửa tại mốc 87.71 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến ngắn, cây nến thể hiện sự lưỡng lự mạnh của chỉ số này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator chưa cho tín hiệu mua trở lại và vẫn tiếp tục sụt giảm.
- MACD sau khi cho tín hiệu bán tiếp tục sụt giảm, tăng khả năng cắt đường zero - base.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 55.
- MA20 đã bị phá vỡ. HNX-Index đang hướng xuống mốc hỗ trợ thấp hơn.

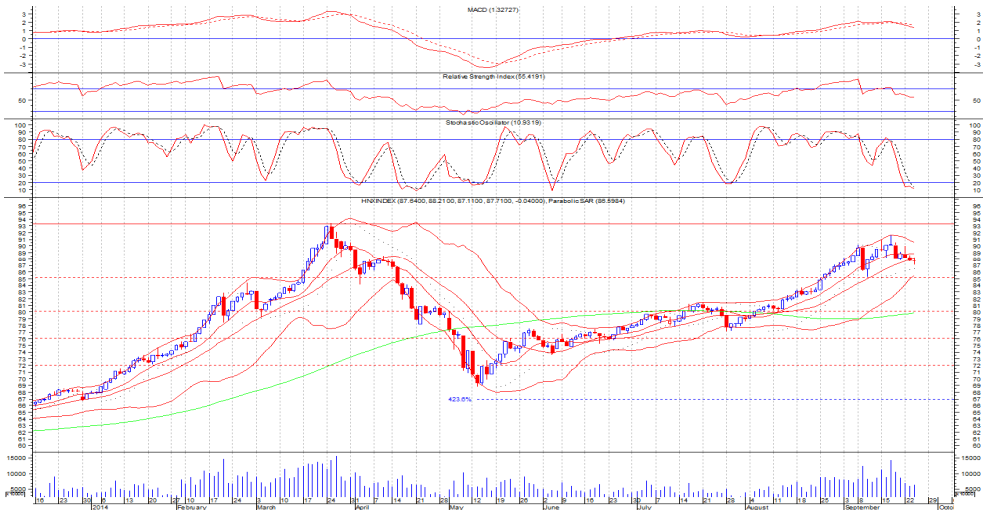

HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0 (0.0%)	680,200
KLF	0 (0.0%)	301,000
KLS	0 (0.0%)	215,370
FIT	0 (0.0%)	176,600
PVS	0 (0.0%)	98,100

HNX Top 5 theo % tăng

AAA	0 (0.0%)	26,100
ACB	0 (0.0%)	200
ADC	0 (0.0%)	-
ALT	0 (0.0%)	-
ALV	0 (0.0%)	-

HNX Top 5 theo % giảm

AAA	0 (0.0%)	26,100
ACB	0 (0.0%)	200
ADC	0 (0.0%)	-
ALT	0 (0.0%)	-
ALV	0 (0.0%)	-

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	17,5	tỷ	424,700
SHB	4,0	tỷ	442,800
SKS	0,4	tỷ	46,000
HOM	0,3	tỷ	35,000
PVC	0,3	tỷ	7,200

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-10,8	tỷ	670,000
PGS	-7,2	tỷ	199,300
VCG	-1,1	tỷ	77,600
KHL	-0,2	tỷ	46,400
KLS	-0,2	tỷ	13,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	127,055	5.52

Nhận định / Bình luận thị trường

- Sự giằng co tiếp tục diễn ra ở phiên hôm nay, dù số mã tăng điểm gia tăng đáng kể, nhưng HNX-Index vẫn bị giảm điểm về mốc thấp trong phiên lúc đóng cửa.
- KLGD tăng nhẹ và đạt 63 triệu đơn vị. Khối lượng liên tục sụt giảm cho thấy dòng tiền vẫn đang khá thận trọng trong nhịp điều chỉnh này.
- Khối ngoại mua ròng với giá trị 5,5 tỷ. Tập trung bán nhiều ở VND, PGS. Trong khi mua nhiều ở SHB, PVS.
- Áp lực bán vẫn tiếp tục diễn ra ở những phiên tới. HNX-Index được hỗ trợ mạnh tại vùng 87 điểm. Nếu phá với vùng này, TT sẽ hướng về vùng 85 điểm.
- NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15%. Tuy nhiên, nếu HNX-Index phá vỡ vùng 87 điểm thì NĐT nên dừng các quyết định mua.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	41.2	18,404.06	10.4	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.5	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.5	5,963.09	10.4	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	83.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	14.3	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	20.8	2,726.38	8.7	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	34.6	2,692.99	6.9	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	46.4	2,614.14	7.0	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.2	1,375.60	8.7	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.1	637.56	6.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.2	1,619.98	14.9	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.4	2,614.14	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	36.7	1,835.00	11.1	2.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	46.0	362.25	7.3	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,403.3	78,586.11	15.75%	56.0	16.43	4.48	2,123,186	2,373,718	1,307,037
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	13.53%	57.5	9.90	2.61	894,930	1,064,348	956,350
PVD	HOSE	303.0	30,303.69	11.69%	100.0	12.92	2.73	916,795	673,343	461,467
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	11.42%	82.5	#######	4.24	294,607	264,471	254,069
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	8.11%	24.2	16.38	1.40	3,536,964	3,730,235	2,949,756
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	6.47%	19.2	7.96	1.28	677,663	551,430	382,341
VCB	HOSE	2,665.0	71,422.54	5.75%	26.8	15.53	1.61	485,224	599,768	403,131
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.79%	31.0	9.24	1.31	1,430,676	1,914,946	1,222,428
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.96%	8.7	67.41	0.80	9,150,255	10,326,415	6,652,486
KBC	HOSE	389.8	5,612.55	2.57%	14.4	24.57	1.10	4,136,450	3,794,787	2,105,644
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	2.30%	41.0	22.83	2.39	427,312	301,024	198,473
HSG	HOSE	96.3	4,141.46	2.06%	43.0	12.82	1.76	195,733	274,384	170,382
GMD	HOSE	116.1	4,099.67	1.83%	35.3	8.12	0.85	1,360,045	960,145	440,978
PPC	HOSE	318.2	8,272.02	1.68%	26.0	16.91	1.64	1,325,201	1,074,109	752,963
HVG	HOSE	132.0	4,052.39	1.56%	30.7	34.27	1.73	2,913,126	2,137,364	1,155,823
CSM	HOSE	67.3	3,048.33	1.50%	45.3	8.44	2.54	394,481	359,123	368,818
PVT	HOSE	255.9	4,349.58	1.48%	17.0	18.03	1.49	3,179,709	2,746,940	2,054,467
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.48%	59.5	13.31	3.61	341,041	275,354	254,461
VSH	HOSE	206.2	3,031.75	1.31%	14.7	14.36	1.12	692,889	969,735	782,556
DIG	HOSE	178.7	2,430.91	1.01%	13.6	66.18	1.02	977,582	654,050	347,091
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	0.76%	11.2	41.34	1.06	3,263,121	3,691,787	2,285,631

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,403.3	78,586.11	8.28%	56.0	16.43	4.48	2,123,186	2,373,718	1,307,037
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	8.09%	82.5	#######	4.24	294,607	264,471	254,069
VCB	HOSE	2,665.0	71,422.54	6.66%	26.8	15.53	1.61	485,224	599,768	403,131
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	6.34%	19.2	7.96	1.28	677,663	551,430	382,341
PVS	HNX	446.7	18,404.06	5.45%	41.2	10.38	2.20	5,939,945	5,226,858	3,616,013
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	4.54%	41.0	22.83	2.39	427,312	301,024	198,473
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.18%	31.0	9.24	1.31	1,430,676	1,914,946	1,222,428
PVD	HOSE	303.0	30,303.69	4.04%	100.0	12.92	2.73	916,795	673,343	461,467
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	3.68%	24.2	16.38	1.40	3,536,964	3,730,235	2,949,756
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.96%	8.7	67.41	0.80	9,150,255	10,326,415	6,652,486
PPC	HOSE	318.2	8,272.02	2.75%	26.0	16.91	1.64	1,325,201	1,074,109	752,963
FLC	HOSE	314.9	3,684.26	2.56%	11.7	7.85	1.00	24,794,250	20,709,396	16,819,517
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.53%	9.2	9.54	0.76	6,067,490	6,837,835	5,627,426
VCG	HNX	441.7	5,963.09	2.03%	13.5	10.42	1.07	2,199,255	1,697,911	1,138,616
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	1.69%	11.2	41.34	1.06	3,263,121	3,691,787	2,285,631
PVT	HOSE	255.9	4,349.58	1.61%	17.0	18.03	1.49	3,179,709	2,746,940	2,054,467
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	0.95%	59.5	13.31	3.61	341,041	275,354	254,461
IJC	HOSE	274.2	3,783.88	0.62%	13.8	23.04	1.32	2,358,142	2,940,121	2,285,680
PVX	HNX	400.0	2,480.00	0.00%	6.2	- 2.00	3.35	11,013,908	11,877,611	8,289,050

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,403.3	78,586.11	0.00%	56.0	16.43	4.48	2,123,186	2,373,718	1,307,037
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.00%	82.5	#######	4.24	294,607	264,471	254,069
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.00%	31.0	9.24	1.31	1,430,676	1,914,946	1,222,428
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	0.00%	24.2	16.38	1.40	3,536,964	3,730,235	2,949,756
VCB	HOSE	2,665.0	71,422.54	0.00%	26.8	15.53	1.61	485,224	599,768	403,131
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.00%	19.2	7.96	1.28	677,663	551,430	382,341
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.00%	41.0	22.83	2.39	427,312	301,024	198,473
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	363,952	513,809	363,181
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	17.85	5.85	276,001	305,523	311,619

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.88%	82.5	#######	4.24	294,607	264,471	254,069
VIC	HOSE	1,403.3	78,586.11	0.56%	56.0	16.43	4.48	2,123,186	2,373,718	1,307,037
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.31%	19.2	7.96	1.28	677,663	551,430	382,341
VCB	HOSE	2,665.0	71,422.54	0.24%	26.8	15.53	1.61	485,224	599,768	403,131
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.15%	31.0	9.24	1.31	1,430,676	1,914,946	1,222,428
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.08%	41.0	22.83	2.39	427,312	301,024	198,473

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Market Highlight

VietinBankSc

24 September 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,361	6.7	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,150	9.2	1.5	16.5%	11.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,624	24.5	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	844	7.4	0.9	12.8%	6.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,491	16.8	2.2	20.7%	9.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,889	3.2	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,208	64.6	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,052	16.2	1.5	11.5%	7.5%
Xây dựng	31,873	47.0	1.3	-1.4%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,209	8.3	1.2	16.3%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	841	6.9	1.6	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,359	6.8	0.9	13.6%	6.0%
Thiết bị điện	1,808	-18.4	1.0	0.6%	-0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	13.4	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,983	9.5	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,424	-3.3	1.2	4.4%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,937	8.7	1.5	18.9%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,170	7.9	1.5	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,586	11.4	2.0	14.4%	7.1%
Đào tạo & Việc làm	237	9.9	0.8	9.2%	3.2%
Nhà cung cấp thiết bị	187	8.3	0.8	11.2%	4.7%
Chất thải & Môi trường	181	2.7	0.8	35.4%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,047	17.9	1.2	11.8%	6.3%
Lốp xe	8,569	10.6	3.1	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,548	7.7	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	308	13.7	2.1	16.1%	10.1%
Đồ uống & giải khát	224	6.4	1.1	14.3%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,674	11.8	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	199,359	24.4	4.8	20.6%	16.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	73	18.4	0.9	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,566	8.6	1.3	14.7%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	543	42.8	1.4	3.7%	2.6%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,419	9.1	1.7	18.5%	7.2%
Giầy dép	9	-1.3	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,391	10.0	1.9	17.9%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	749	-8.4	1.1	-2.3%	3.6%

Market Highlight

VietinBankSc

24 September 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	944	15.4	1.0	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	163	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	176	8.1	1.1	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,188	10.5	2.9	24.9%	16.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	277	52.1	0.9	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	710	10.9	1.1	13.1%	7.8%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,980	11.0	1.9	17.2%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,115	9.8	1.0	10.2%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,688	72.9	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,351	13.9	1.4	14.8%	12.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,572	19.6	3.2	23.0%	19.6%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	672	16.1	0.9	5.6%	2.0%
Internet	326	68.8	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,349	11.4	2.3	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	475	16.4	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	287	4.9	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,263	34.3	8.1	34.3%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,883	- 6.1	1.4	-13.9%	0.7%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	213,322	17.4	5.7	33.1%	22.6%
Nước	1,253	6.7	1.1	17.0%	11.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,346	7.7	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,711	12.0	0.7	6.3%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,726	8.7	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,899	22.8	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,472	41.9	1.1	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán	28,051	14.2	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	241,083	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	170,882	17.5	3.0	21.2%	5.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	13	3.3	1.0	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,288	11.8	2.5	22.6%	9.5%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Thép và sản phẩm thép
  - Dược phẩm

- **Nguyễn Hoài Nam** — namnh@vietinbanksc.com.vn
  - Sản phẩm hóa dầu
  - Phân phối xăng dầu, khí đốt
  - Thiết bị và dịch vụ dầu khí

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Nhựa, cao su, sợi
  - Thực phẩm
  - Nuôi trồng nông và hải sản

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.